

TRUNG TÂM Y TẾ TRIỆU SƠN
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ
KIỂM TRA, SÁT HẠCH VÀ DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN**

(Kèm theo Thông báo số 100/TB- TTYT ngày 26/01/2021 của Giám đốc Trung tâm Y tế Triệu Sơn)

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
1	Vị trí tuyển dụng: Bác sĩ- Hạng III - (V.08.01.03)									
1	Lê Thị Duyên		14/10/1975	Tân Ninh - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	75	0	75	Bảy mươi lăm
2	Phạm Minh Trí	20/11/1975		Triệu Thành - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	92,5	0	92,5	Chín mươi hai phẩy năm
3	Lê Thị Hợi		06/04/1983	Minh Sơn - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	75	0	75	Bảy mươi lăm
4	Lê Thị Oanh		15/09/1971	Tân Ninh - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	67,5	0	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
5	Nguyễn Văn Cơ	25/12/1968		Đồng Lợi - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	80	0	80	Tám mươi
6	Mai Hải Triều	05/07/1975		Khuyến Nông - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	80	0	80	Tám mươi
7	Nguyễn Văn Vang	02/09/1968		Khuyến Nông - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	67,5	0	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
8	Nguyễn Quang Hậu	03/02/1967		Hợp Tiến - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	75	0	75	Bảy mươi lăm
9	Lê Thị Anh		21/01/1971	An Nông - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	70	0	70	Bảy mươi
10	Lê Cao Hào	24/03/1983		Dân Lực - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	73	0	73	Bảy ba
11	Hà Thị Lan		22/10/1971	Thị Trấn - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	72,5	0	72,5	Bảy mươi hai phẩy năm

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
12	Trịnh Thị Hiền		01/12/1989	Thọ Sơn - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	73,5	0	73,5	Bảy mươi ba phẩy năm
13	Phạm Thanh Thu	10/10/1968		Thọ Cường - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	67,5	0	67,5	Sáu bảy phẩy năm
14	Hoàng Huy Tuyền	10/12/1976		Thọ Thế - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	67,5	0	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
15	Trịnh Quốc Hào	22/05/1962		Hợp Lý - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	70	0	70	Bảy mươi
16	Lê Thị Nguyệt		31/10/1982	Thọ Sơn - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	67	0	67	Sáu mươi bảy
17	Nguyễn Văn Hà	02/09/1975		Dân Lực - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	67,5	0	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
18	Vũ Thị Hà		16/01/1973	Thị Trấn - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	73	0	73	Bảy mươi ba
19	Lê Bật Dân	02/02/1968		Bình Sơn - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	72,5	0	72,5	Bảy mươi hai phẩy năm
20	Trịnh Văn Cường	22/12/1978		Xuân Thọ - Triệu Sơn	BSYHDT	Bác sĩ - Hạng III	69	0	69	Sáu mươi chín
21	Dương Thị Nhi		02/09/1966	Xuân Thịnh - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	64	0	64	Sáu mươi tư
22	Lê Anh Tuấn	18/08/1977		Triệu Thành - Triệu Sơn	BSĐK	Bác sĩ - Hạng III	84	0	84	Tám mươi tư
II	Vị trí tuyển dụng: Bác sĩ dự phòng- Hạng III - (V.08.02.06)									
23	Nguyễn Thị Thúy		18/08/1984	Thành phố Thanh Hóa	BSDP	Bác sĩ dự phòng - Hạng III	74	0	74	Bảy mươi tư
III	Vị trí tuyển dụng: Cử nhân điều dưỡng- Hạng III - (V.08.05.12)									
24	Lê Thanh Hải	19/08/1978		Thị Trấn - Triệu Sơn	CNDD	Cử nhân điều dưỡng - Hạng III	67,5	0	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
IV	Vị trí tuyển dụng: Điều dưỡng viên- Hạng IV - (V.08.05.13)									

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
25	Bùi Thị Huyền		25/02/1987	Dân Lý - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	73	0	73	Bảy mươi ba
26	Lê Thị Hương		16/11/1988	Minh Dân - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	71	0	71	Bảy mươi một
27	Trịnh Thị Hào		15/10/1984	Hợp Thắng - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
28	Lê Đăng Luyện	12/05/1976		Hợp Thắng - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
29	Lê Thị Minh		05/09/1984	Dân Lý - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	77	0	77	Bảy mươi bảy
30	Lê Thị Loan		10/05/1980	Thọ Vực - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	69	0	69	Sáu mươi chín
31	Lê Thị Diệm		03/03/1979	Thọ Sơn - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
32	Ngân Thị Hoàn		07/06/1987	Xuân Thọ - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	73	0	73	Bảy mươi ba
33	Lê Thị Loan		05/04/1979	Thọ Dân - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	73	0	73	Bảy mươi ba
34	Lê Thị Thu		10/02/1986	Hợp Lý - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	73	0	73	Bảy mươi ba
35	Lê Sỹ Dũng	12/01/1984		Thọ Bình - Triệu Sơn	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng viên - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
V	Vị trí tuyển dụng: Y sỹ- Hạng IV - (V.08.03.07)									
36	Lê Xuân Hạnh	05/05/1962		Dân Lý - Triệu Sơn	YSCĐ	Y sỹ - Hạng IV	71	0	71	Bảy mươi một

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
37	Lê Văn Trung	20/12/1972		Thọ Vực - Triệu Sơn	YSCĐ	Y sỹ - Hạng IV	86	0	86	Tám mươi sáu
38	Nguyễn Thị Huế		05/06/1969	Đồng Thắng - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
39	Nguyễn Huy Quang	08/10/1962		Đồng Tiến - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	72	0	72	Bảy mươi hai
40	Lê Thị Anh		20/10/1984	Tân Ninh - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	73	0	73	Bảy mươi ba
41	Nguyễn Thị Minh		12/08/1990	Đồng Lợi - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	72	0	72	Bảy mươi hai
42	Nguyễn Bá Minh	02/03/1963		Thái Hòa - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	71	0	71	Bảy mươi một
43	Đặng Thị Hường		20/04/1991	Tiền Nông - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
44	Nguyễn Trọng Thắng	27/11/1991		Tân Ninh - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
45	Lê Thị Như		09/12/1971	Tân Ninh - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
46	Lê Văn Tá	02/10/1963		Thái Hòa - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
47	Nguyễn Đức Hiệu	26/03/1991		Hợp Thắng - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	70	0	70	Bảy mươi
48	Vũ Thị Vân		01/10/1986	Vân Sơn - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
49	Nguyễn Thị Hương		08/07/1992	An Nông - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
50	Nguyễn Thị Dương		02/09/1990	Thị Trấn Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
51	Lê Thị Khuê		10/05/1967	An Nông - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
49	Nguyễn Thị Hương		08/07/1992	An Nông - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
50	Nguyễn Thị Dương		02/09/1990	Thị Trấn Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
51	Lê Thị Khuê		10/05/1967	An Nông - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
52	Nguyễn Sỹ Chiến	20/11/1972		Tiến Nông - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
53	Lê Thị Hạnh		15/02/1987	Thị Trấn TS - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	83	0	83	Tám mươi ba
54	Tô Thị Lan Anh		07/08/1989	Thị Trấn Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	74	0	74	Bảy mươi tư
55	Đào Xuân Bình	23/02/1962		Tiến Nông - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
56	Nguyễn Nam Thanh		08/11/1973	Tiến Nông - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
57	Bùi Thanh Tiến	21/07/1972		Dân Lý - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
58	Trần Thị Lan		27/11/1966	Thôn 9 - Dân Quyền	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	60	0	60	Sáu mươi
59	Đỗ Thị Minh		02/09/1974	Thôn 9 - Dân Quyền	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	82	0	82	Tám mươi hai
60	Đặng Thị Quỳnh		12/06/1992	Dân Lực - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	65,5	0	65,5	Sáu mươi lăm phẩy năm
61	Vũ Thị Huệ		08/10/1989	Thọ Phú - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	81	0	81	Tám mươi mốt
62	Lê Văn Hiệu	10/05/1990		Dân Lực - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
67	Trần Thị Thường		02/04/1986	Thọ Cường - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	72	0	72	Bảy mươi hai
68	Phạm Hữu Hùng	05/11/1968		Xuân Thọ - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
69	Trần Thị Tuấn		15/05/1968	Xuân Thọ - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	77	0	77	Bảy mươi bảy
70	Nguyễn Văn Nhac	03/06/1967		Thọ Tiến - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	63	0	63	Sáu mươi ba
71	Nguyễn Thị Ánh		05/02/1994	Hợp Thắng - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
72	Nguyễn Chí Sinh	08/02/1969		Xuân Lộc - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
73	Lê Thị Hằng		20/04/1989	Thọ Thế - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
74	Nguyễn Thị Nga		09/01/1988	Thọ Dân - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	60	0	60	Sáu mươi
75	Lê Xuân Dương	05/06/1987		Thọ Tiến - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
76	Hoàng Thu Huyền		28/05/1971	Hợp Thành - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
77	Trịnh Minh Thống	10/06/1987		Hợp Lý - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	87	0	87	Tám mươi bảy
78	Nguyễn Trọng Anh	27/12/1992		Thọ Bình - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	73	0	73	Bảy mươi ba
79	Phạm Quang Trung	20/06/1972		Thọ Bình - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
80	Ngân Văn Nguyệt	03/02/1964		Thọ Bình - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	57	0	57	Năm mươi bảy
81	Nguyễn Hữu Nội	28/08/1989		Dân Lực - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	79	0	79	Bảy mươi chín

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bằng số	Bằng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
82	Nguyễn Văn Đạt	05/11/1985		Hợp Thành - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
83	Bùi Thị Liên		10/03/1967	Thọ Sơn - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	82	0	82	Tám mươi hai
84	Lê Thị Tuyền		02/01/1989	Thọ Sơn - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	68	0	68	Sáu mươi tám
85	Đỗ Thị Liên		12/01/1971	Thọ Bình - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	73	0	73	Bảy mươi ba
86	Bùi Văn Tuấn	09/10/1984		Bình Sơn - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	72	0	72	Bảy mươi hai
87	Nguyễn Thị Yến		21/03/1989	Bình Sơn - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	77	0	77	Bảy mươi bảy
88	Nguyễn Văn Linh	08/02/1991		Hợp Thắng - Triệu Sơn	YSDK	Y sỹ - Hạng IV	72	0	72	Bảy mươi hai
89	Lê Thị Huế		02/09/1983	Vân Sơn - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	74	0	74	Bảy mươi tư
90	Vũ Thị Hiền		20/11/1975	Vân Sơn - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
91	Nguyễn Thị Hợi		15/12/1983	Dân Lực - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	74	0	74	Bảy mươi tư
92	Lê Thị Thúy		10/09/1970	Hợp Thắng - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	74	0	74	Bảy mươi tư
93	Lê Thị Minh		04/03/1979	Thị Trấn Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
94	Nguyễn Văn Linh	20/11/1970		Minh Sơn - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
95	Mai Thị Nga		15/08/1967	Minh Sơn - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
96	Nguyễn Thị Liên		16/06/1970	Minh Sơn - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	78	0	78	Bảy mươi tám

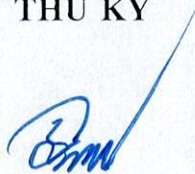
TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
97	Trần Thị Sáu		10/12/1975	Dân Lý - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	70	0	70	Bảy mươi
98	Nguyễn Thị An		23/10/1975	Xóm 3 - Dân quyền	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
99	Lê Thị Hồng		12/03/1976	Thọ Cường - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
100	Nguyễn Thị Nguyệt		21/12/1975	Dân Lực - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	74	0	74	Bảy mươi tư
101	Lê Văn Trúc	17/12/1977		Thọ Dân - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	72	0	72	Bảy mươi hai
102	Lê Thị Ёn		05/09/1972	Xuân Thọ - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	66	0	66	Sáu mươi sáu
103	Trần Thị Dung		15/10/1974	Thọ Tiến - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	65	0	65	Sáu mươi lăm
104	Hà Thị Thắm		09/06/1978	Hợp Thành - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	84	0	84	Tám mươi tư
105	Hà Thị Yến		19/05/1972	Hợp Thành - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	85	0	85	Tám mươi lăm
106	Lê Thị Phụng		12/07/1973	Hợp Lý - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
107	Lê Thị Thủy		17/04/1978	Triệu Thành - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
108	Trịnh Thị Tuyết		20/05/1975	Hợp Thành - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	76	0	76	Bảy mươi sáu
109	Hoàng Huyền Anh		16/07/1975	Hợp Tiến - Triệu Sơn	YSSN	Y sỹ - Hạng IV	70	0	70	Bảy mươi
110	Trần Ngọc Thanh	12/04/1964		Đồng Lợi - Triệu Sơn	Y sỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	88	0	88	Tám mươi tám
111	Lê Quang Tấn	10/02/1968		Đồng Thắng - Triệu Sơn	Y sỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	77	0	77	Bảy mươi bảy

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bằng số	Bằng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
112	Vũ Đình Quang	15/10/1971		Thị Trấn Triệu Sơn	Ysỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	70	0	70	Bảy mươi
113	Lê Thị Hợp		12/10/1985	Khuyển Nông - Triệu Sơn	Ysỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
114	Trần Quý Phương		01/02/1984	Dân Lý - Triệu Sơn	Ysỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
115	Trịnh Thị Huệ		10/10/1987	Dân Lục - Triệu Sơn	Ysỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
116	Trịnh Văn Diện	18/07/1986		Thọ Bình - Triệu Sơn	Ysỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	61,5	0	61,5	Sáu mươi một phẩy năm
117	Nguyễn Quang Thành	25/09/1988		Hợp Tiến - Triệu Sơn	Ysỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	70	0	70	Bảy mươi
118	Lê Thị Lài		25/11/1984	Hợp Tiến - Triệu Sơn	Ysỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
119	Hà Văn Phong	15/03/1974		Thọ Sơn - Triệu Sơn	Ysỹ YHDT	Y sỹ - Hạng IV	60	0	60	Sáu mươi
VI	Vị trí tuyển dụng: Hộ sinh trung cấp- Hạng IV - (V.08.06.16)									
120	Nguyễn T. Ngân. Vang		10/05/1972	Đồng Tiến - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
121	Trịnh Thị Hương		02/05/1978	Tân Ninh - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	76	0	76	Bảy mươi sáu
122	Lê Thị Liên		25/07/1971	Tân Ninh - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
123	Nguyễn Thị Hường		30/08/1971	Thái Hòa - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	78	0	78	Bảy mươi tám
124	Đỗ Thị Nhung		15/07/1988	Minh Dân - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	74	0	74	Bảy mươi tư

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
125	Lê Thị Nga		29/01/1972	Tiền Nông - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	65	0	65	Sáu mươi lăm
126	Nguyễn Thị Hương		11/09/1989	Thọ Vực - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
127	Nguyễn Thị Dung		19/08/1979	Thọ Vực - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
128	Lê Thị Hiền		10/05/1989	Xuân Lộc - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	75	0	75	Bảy mươi lăm
129	Ngô Thị Mai		05/03/1979	Xuân Thịnh - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	70	0	70	Bảy mươi
130	Trần Thị Linh Phương		20/11/1990	Thọ Cường - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	70	0	70	Bảy mươi
131	Trần Thị Tình		03/09/1982	Thọ Dân - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	76	0	76	Bảy mươi sáu
132	Lê Thị Hoa		23/03/1973	Thọ Cường - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	76	0	76	Bảy mươi sáu
133	Lê Thị Giang		22/04/1979	Thọ Ngọc - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
134	Đỗ Thị Tâm		23/11/1975	Hợp Lý - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	80	0	80	Tám mươi
135	Hoàng Thị Hương		07/08/1968	Hợp Thành - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	86	0	86	Tám mươi sáu
136	Nguyễn Thị Thủy		20/03/1987	Bình Sơn - Triệu Sơn	HSTH	Hộ sinh trung cấp - Hạng IV	71	0	71	Bảy mươi một
VII	Vị trí tuyển dụng: Được sĩ trung cấp- Hạng IV - (V.08.08.23)									

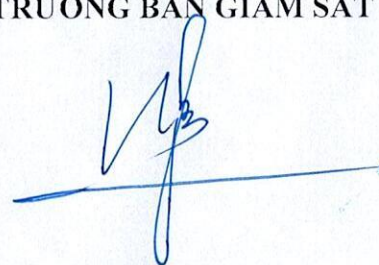
TT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ						Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
137	Hứa Thị Duyên		21/05/1981	Tân Ninh - Triệu Sơn	DSTH	Dược sĩ trung cấp - Hạng IV	67,5	0	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
138	Nguyễn Thị Hà		04/04/1986	Nông Trường - Triệu Sơn	DSTH	Dược sĩ trung cấp - Hạng IV	67,5	0	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
139	Lê Thị Loan		18/02/1968	Vân Sơn - Triệu Sơn	DSTH	Dược sĩ trung cấp - Hạng IV	67,5	0	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
140	Nguyễn Thành Trung	01/06/1980		Thị trấn - Triệu Sơn	DSTH	Dược sĩ trung cấp - Hạng IV	65	0	65	Sáu mươi lăm
141	Nguyễn.T.M. Phụng		04/07/1988	Thị trấn Triệu Sơn	DSTH	Dược sĩ trung cấp - Hạng IV	67	0	67	Sáu mươi bảy
142	Phạm Thị Huệ		13/07/1986	Thị trấn Triệu Sơn	DSTH	Dược sĩ trung cấp - Hạng IV	65	0	65	Sáu mươi lăm
143	Lê Xuân Hiệp	29/04/1986		Thị trấn - Triệu Sơn	DSTH	Dược sĩ trung cấp - Hạng IV	60	0	60	Sáu mươi
Tổng: 143 người										

THƯ KÝ



Đỗ Xuân Long

TRƯỞNG BAN GIÁM SÁT



Nguyễn Anh Văn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Tú